TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SĐ** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SĐ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Chung, ông Lã Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/TLST-HNGD, ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngọc Thị L, sinh năm 1995 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn AH, xã TĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn AH, xã TĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Ngọc Thị L trình bày: Chị tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với anh Nguyễn Thế H, có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2013 tại UBND xã B (nay là xã TĐ), huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn, uống rượu say, đánh

đập chị, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là: Nguyễn Q H, sinh ngày 24/12/2013, Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/7/2017, cả hai con chung đều đang ở cùng anh H. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu H, để anh H nuôi cháu Q H, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Chứng cứ chị L đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Trích lục kết hôn số 225/TLKH – BS ngày 05/10/2022; bản sao Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Q H, cháu Nguyễn Minh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2023, anh Nguyễn Thế H trình bày: Anh Hthừa nhận chị L trình bày về thời gian kết hôn với chị Lvà có đăng ký kết hôn như chị L khai là đúng; anh Hcũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, trong lúc nóng giận anh có đánh chị L như chị L khai là đúng nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng của anh với chị L vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Q H, chị L nuôi cháu H như chị L yêu cầu, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, không khai báo, không cung cấp được chứng cứ về các khoản nợ chung của vợ chồng.

Cháu Nguyễn Q H trình bày: Chị L, anh H ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Cho chị Lly hôn anh H.

Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh H. Giao anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Nguyễn Q H. Chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngọc Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thế H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Htheo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", anh Nguyễn Thế H đang cư trú tại Thôn AH, xã TĐ, huyện SĐ. Tòa án nhân dân huyện SĐ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H đều thừa nhận tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã TĐ, huyện SĐ) ngày 21/01/2013. Lời thừa nhận của chị L, anh H phù hợp với Trích lục kết hôn số 225/TLKH – BS ngày 05/10/2022 của UBND xã TĐ, huyện SĐ do chị L nộp kèm theo đơn khởi kiện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lvà anh H là hợp pháp. Do vợ chồng mâu thuẫn, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Các lời khai của chị L và anh H đều thừa nhận, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh H có hành vi bạo hành, đánh chị L dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị L, anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh Hlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Chị L và anh H đều thừa nhận có 02 con chung là Nguyễn Q H, sinh ngày 24/12/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/7/2017. Chị L, anh H đều đồng ý để chị L nuôi cháu H, anh H nuôi cháu Q H, cháu Q H cũng có nguyện vọng ở với anh H. Chị L và anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh H, giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Q H, chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L, anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị L, anh H đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngọc Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thế H.

2. Về con chung: Giao chị Ngọc Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/7/2017; giao cho anh Nguyễn Thế H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 24/12/2013. Chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Ngọc Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015430, ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SĐ. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện SĐ;
- Chi cục THADS huyện SĐ;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thạo